

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/DS-ST**

Ngày 21/3/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 21/01/2022 và các ngày 18/3/2022, 21/3/2022, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 48/TLST-DS, ngày 07/5/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/QĐXXST-DS ngày 27/12/2021, giữa:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng A**

- Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ngân hàng được ủy quyền khởi kiện: A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: Số 112, đường Nguyễn Văn Cừ, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Việt H, chức vụ: Giám đốc A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thu T, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát nội bộ, Trưởng bộ phận pháp chế và ông Hà Quang H là cán bộ Chi nhánh A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn: - Ông Trần Văn H, sinh năm 1959**

Địa chỉ: Tổ dân phố 15 (tổ 28 cũ) phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

- Bà **Hứa Thị Á**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ dân phố 15 (tổ 28 cũ) phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên

Quang. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Thu T**, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 15 (tổ 28 cũ), phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Ông **Ma Ngọc K** – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Trần Văn H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Agribank - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Ông Trần Văn H, sinh năm 1959 và bà Hứa Thị Á, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố 15 (tổ 28 cũ), phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang với ba khoản vay và tài sản bảo đảm cụ thể như sau:

* Khoản vay thứ nhất: Ngày 05/8/2016 A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã thẩm định và thỏa thuận, đàm phán với ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á về dự án vay vốn và đảm bảo tiền vay; Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở. Ngày 05/8/2016 ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á ký kết hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang nội dung vay tiền để sửa chữa nhà ở; Phương thức vay vốn: từng lần; Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*); Ngày nhận tiền vay 05/8/2016; Thời hạn vay vốn: 96 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày: 05/8/2024; Lãi suất tiền vay là: 12%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn; Dư nợ gốc đến ngày 13/02/2020 là: 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

* Khoản vay thứ hai: Ngày 18/7/2017 A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã thẩm định và thỏa thuận, đàm phán với ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á về dự án vay vốn và đảm bảo tiền vay; Mục đích vay vốn: Cải tạo nhà ở. Ngày 18/7/2017 ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á ký kết hợp đồng tín dụng số 8100LAV201701138/HĐTD với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang nội dung vay tiền để cải tạo nhà ở; Phương thức vay vốn: từng lần; Số tiền vay: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Ngày nhận tiền vay 18/7/2017; Thời hạn vay vốn: 84 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày: 18/7/2024; Lãi suất tiền vay là: 12,5%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn; Dư nợ gốc đến ngày 13/02/2020 là: 650.000.000 đồng (*Sáu trăm, năm mươi triệu đồng*).

* Khoản vay thứ ba: Ngày 27/7/2018 A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã thẩm định và thỏa thuận, đàm phán với ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á về dự án vay vốn và đảm bảo tiền vay; Mục đích vay vốn: Cho vay mua ô tô con loại 5 chỗ phục vụ nhu cầu đời sống; Ngày 27/7/2018 ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á ký kết hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801093/HĐTD với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang nội dung vay tiền mua ô tô con loại 5 chỗ phục vụ nhu cầu đời sống; Phương thức vay vốn: từng lần; Số tiền vay: 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*); Ngày nhận tiền vay 27/7/2018; Thời hạn vay vốn: 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày: 27/7/2021; Lãi suất tiền vay là: 12%/năm; Lãi

suất quá hạn: bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn; Dư nợ gốc đến ngày 13/02/2020 là: 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*);

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây 3 tầng), thửa đất số: 02200.25.69; tờ bản đồ số: 25; Diện tích đất: 134,9 m² (trong đó, đất ở tại đô thị: 120 m², đất trồng cây lâu năm: 14,9 m²). Giấy CNQSD đất số phát hành AI 118736 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 04/6/2007. Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 15 (tổ 28 cũ), phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 627201712/HĐTC ngày 14/7/2017, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 17/7/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T; Giá trị tài sản đảm bảo khoản vay thời điểm định giá 2.301.000.000 đồng đảm bảo cho phạm vi nghĩa vụ khoản vay dư nợ gốc 1.725.750.000 đồng.

Khi khoản vay đến hạn trả nợ A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã nhiều lần gửi văn bản cũng như trực tiếp đến đơn đốc và yêu cầu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á có cam kết về việc trả nợ gốc và lãi thông qua các Giấy báo nợ quá hạn, Giấy mời, Thông báo trả lãi tiền vay, Biên bản làm việc, Thông báo đòi nợ.

Từ ngày 06/8/2018 ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho Agribank. Qua nhiều lần gặp gỡ, gia đình cam kết và Ngân hàng đã tạo điều kiện để gia đình ông H và bà Á có thời gian khắc phục khó khăn thu xếp các nguồn để trả nợ nhưng ông H và bà Á vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các cam kết đã ký. A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã trực tiếp đến gia đình ông H và bà Á làm việc nhưng không gặp, gửi thông báo đến ông H và bà Á đề nghị ông H và bà Á lên làm việc nhưng không có mặt trốn tránh nghĩa vụ, không hợp tác.

Agribank - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tiếp tục liên hệ tiến hành đến nhà làm việc với gia đình ông H và bà Á nhưng không hợp tác, cho đến ngày khởi kiện ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á còn dư nợ gốc: 1.560.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 288.384.657 đồng; Nợ lãi quá hạn: 7.632.329 đồng. Khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/7/2019.

Do vậy, nay Agribank - Chi nhánh Tỉnh Tuyên Quang khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Yêu cầu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 14/02/2020 là: 14/02/2020 là: 1.856.016.986 đồng (*Một tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, không trăm mười sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*), trong đó: Nợ gốc: 1.560.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 288.384.657 đồng; Nợ lãi quá hạn: 7.632.329 đồng.

Yêu cầu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017 và 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á trả hết nợ gốc cho Agribank.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 627201712/HĐTC ngày 14/7/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Agribank thì Agribank thông qua A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn rút yêu cầu về trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Agribank thì Agribank thông qua A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố T đã thực hiện tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Trần Văn H không đến tham gia tố tụng theo thông báo của Tòa án, bà Hứa Thị Á đến tham gia tố tụng nhưng không đưa ra quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo nội dung các đơn đề nghị của ông H và bà Á trình bày: Trước đây vợ chồng ông bà có cho chị Nguyễn Thu T (là con dâu của ông bà) mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng vay vốn làm ăn, quá trình làm hợp đồng vay như thế nào, thủ tục, giấy tờ do chị T làm, quá trình thực hiện hợp đồng, trả gốc, lãi, đáo hạn, quay vòng vốn cũng do chị T tự làm, ông H và bà Á không biết, ông H và bà Á đề nghị Tòa án đưa chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời đề nghị giám định chữ ký chữ viết của ông Trần Văn H tại các tài liệu gồm: Hợp đồng tín dụng ngày 18/7/2017 và ngày 27/7/2018; Phương án sử dụng vốn, phương án xin vay vốn, báo cáo tình hình thu nhập, báo cáo sử dụng vốn vay, biên bản kiểm tra tài sản bảo đảm, biên bản xác định giá tài sản.

Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn H tại các tài liệu theo yêu cầu của ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và Viện khoa hình sự Bộ Công an.

Tại Kết luận giám định số 587/QĐ-KTHS ngày 07/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và Kết luận số 81/C09-P5 ngày 07/6/2021, Kết luận số 82/C09-P5 ngày 07/6/2021 của Viện khoa hình sự Bộ Công an đã xác định, chữ ký của ông Trần Văn H trong các tài liệu mà ông H và bà Á yêu cầu giám định so sánh với mẫu so sánh chữ ký của ông Trần Văn H là cùng một người ký ra.

Tòa án nhiều lần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Ông H và chị T được triệu tập nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do. Bà A yêu cầu phải triệu tập chị T đến mới đồng ý cho đo đạc thẩm định đồng thời trình bày: Hiện gia đình bà đang sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 118736, số vào sổ cấp GCNQSD đất: H02102/PT do

UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 04/6/2007 mang tên ông Trần Văn H và Hứa Thị A; Địa chỉ: Số nhà 371, tổ 15, phường P, thành phố T; Diện tích khoảng 134,9m², trong đó chiều ngang mặt trước 4,3m, phía sau rộng 3,95m, dài 2 cạnh bằng nhau là 23,5m. Trên đất là nhà xây 3 tầng xây năm 1991, đến năm 2001 hoàn thiện. Nhà xây kiên cố hết diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay nhà và đất không có tranh chấp với ai. Hiện ông H và bà A đang trực tiếp quản lý và sử dụng, các con ông bà ở chỗ khác. Đại diện tổ dân phố xác định diện tích đất nêu trên không tranh chấp với ai.

Ngày 21/01/2022, Tòa án mở phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/QĐXXST-DS ngày 27/12/2021. Tại phiên tranh tụng ông Trần Văn H xuất trình Thẻ thương binh và yêu cầu được thực hiện quyền trợ giúp pháp lý theo quy định; Nguyên đơn đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa vì lý do cần thời gian để thu thập thêm tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của HĐXX mà nguyên đơn không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa), HĐXX đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa tiếp theo vào ngày 18/02/2022. Ngày 14/02/2022 ông Ma Ngọc K – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn H có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Do vậy, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/02/2022 và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 18/03/2022.

Tại phiên Tòa:

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị A phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cụ thể như sau:

+ Tại hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 800.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn 337.333.333 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2020 là 6.016.438 đồng, từ ngày 06/8/2020 đến ngày 05/8/2021 là 12.000.000 đồng, từ ngày 06/8/2021 đến ngày 21/01/2022 là 8.334.247 đồng; Tổng cộng lãi suất trong hạn và lãi quá hạn là 363.684.018 đồng; Tổng cộng dư nợ gốc và lãi suất là **1.163.684.018 đồng** (một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu *sáu trăm tám tư nghìn* không trăm mười tám đồng).

Tại Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất trong hạn 276.466.667 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), lãi suất quá hạn 27.238.356đ (*hai mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng*), tổng lãi trong hạn và lãi quá hạn là 303.705.023 đồng (*ba trăm linh ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là **953.705.023 đồng** (*chín trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*);

Tại hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 110.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 46.750.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi suất quá hạn là 9.223.562 đồng (*chín triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*), tổng cả gốc và lãi là **165.973.562** đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*).

Tổng số tiền nợ nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là: **2.283.362.603** đồng (*hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 1.560.000.000 đồng (*một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày 21/01/2022 là 723.362.603 đồng (*bảy trăm hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng*).

Từ ngày 22/01/2022 ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải tiếp tục thực hiện trả lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng: Số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017, số 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018 mà ông H và bà Á đã ký với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Agribank Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ký giữa ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, là nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 118736, số vào sổ cấp GCNQSD đất H02102/PT do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 04/6/2007 tên người sử dụng là hộ ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á, 14/7/2017 đã được Chi nhánh VPĐKQSDĐ thành phố T xác nhận điều chỉnh tên người sử dụng là ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á.

* Trình bày của bị đơn:

- Tại phiên tòa ngày 21/01/2022, ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á đều xác nhận: Năm 2016 ông H và bà Á có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang với số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng chẵn*), có ký hợp đồng thế chấp tài sản là nhà và quyền sử dụng đất đứng tên ông H, bà Á nhưng ông H và bà Á đã trả hết toàn bộ khoản vay này. Đối với hợp đồng tín dụng ký năm 2017 và năm 2018 như khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà Á không nhất trí vì ông H không được ký, toàn bộ giấy tờ do Nguyễn Thu T là con dâu ông bà làm việc với ngân hàng. Đối với Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang và các Kết luận giám định của Viện kỹ thuật hình sự - Bộ Công an ông H và bà Á không nhất trí; Ông H và bà Á yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng từ về việc trả các khoản gốc và lãi vì lý do ông H không được ký các hợp đồng vay tiền năm 2017 và năm 2018 nên không trả tiền, không có chứng từ.

- Tại phiên tòa ngày 18/3/2022, ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á thay đổi nội dung khai như sau: Ông H và bà Á xác định, năm 2016 có ký hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản với A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang nhưng chưa trả

bất cứ khoản lãi và gốc nào. Toàn bộ chứng từ trả gốc và lãi mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án ông H và bà A không biết, ông H và bà A cho rằng hợp đồng 2016 chưa thanh toán là vi phạm hợp đồng mà Agribank – Chi nhánh Tuyên Quang lại tiếp tục cho ông bà ký tiếp 02 Hợp đồng vào năm 2017 và 2018 là không đúng quy định của pháp luật. Ông H và bà A yêu cầu giám định so sánh chữ ký, chữ viết Trần Văn H tại các hợp đồng tín dụng năm 2017, năm 2018 và 2016 có phải do một người ký và viết ra hay không.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai chị T trình bày: Chị là con dâu của ông H và bà A, chị có được biết vào các năm 2016, 2017 và 2018 ông H và bà A có ký hợp đồng tín dụng với Agribank – Chi nhánh Tuyên Quang, có thể chấp tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại tổ 15, phường P, thành phố T, tài sản đứng tên ông H và bà A, mục đích vay tiền là để sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình, chị T có trả một số gốc và lãi đối với các khoản vay trên theo sự ủy quyền của ông H và bà A. Việc ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản do ông H và bà A thực hiện, chị T không kí các hợp đồng này. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này, chị T xác định không có liên quan gì.

* Luật sư – ông Ma Ngọc K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn H trình bày quan điểm như sau:

- Mặc dù bị đơn đã thừa nhận ngày 05/8/2016 có ký hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 với A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang nhưng đối với các hợp đồng tín dụng năm 2017 và năm 2018 theo khởi kiện của Ngân hàng thì ông H trình bày là không được ký, đã được giám định và kết luận giám định cho thấy đúng là chữ ký của ông H nhưng không đủ cơ sở khẳng định toàn bộ chữ viết “Trần Văn H” là do cùng một người viết ra, đề nghị HĐXX xem xét yêu cầu giám định cả 03 hợp đồng tín dụng ký vào các năm 2016, 2017 và 2018 để so sánh chữ ký và chữ viết của 03 hợp đồng trên có phải cùng là chữ ký, chữ viết của ông H hay không.

- Các chứng từ trả lãi và gốc đối với các khoản vay của ông H và bà A, có chứng từ do chị T ký. Do vậy, Luật sư xác định chị T phải có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ của chị T theo yêu cầu của ông H và bà A.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn xác định chưa trả bất cứ khoản nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng. Như vậy, việc Agribank Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tiếp tục ký hợp đồng tín dụng theo vào các năm 2017 và 2018 với ông H và bà A tiếp là vi phạm Luật tín dụng, trừ trường hợp ông H và bà A là trường hợp đặc biệt, đề nghị HĐXX xem xét tình tiết này khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập, giao nộp chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 93, 97, 196 BLTTDS. Việc

chuyển hồ sơ kèm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo đúng thời hạn quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn bà Hứa Thị Á đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn ông Trần Văn H trong quá trình giải quyết vụ án có lời nói xúc phạm cán bộ Tòa án và Hội đồng xét xử, vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T, trong quá trình giải quyết vụ án được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện VKS không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục vấn đề gì về tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

- Về án phí: Xét miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch đối với ông Trần Văn H theo trường hợp người cao tuổi, buộc bà Hứa Thị Á phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền gốc và lãi bà Á phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 21/01/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

- Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, bị đơn cư trú tại thành phố T, tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng là bất động sản tại địa bàn thành phố T. Do vậy, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ của vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn xuất trình bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á, giao nộp cho HĐXX các tài liệu sau: Phụ lục hợp đồng tín dụng số 201160139/PLHĐ ngày 17/7/2017 (bản chính), Hợp đồng thế chấp tài sản số 201201 ngày 03/5/2012 và Hợp đồng bổ sung sửa đổi hợp đồng số

201201 ngày 03/5/2012 được ký ngày 30/6/2016 (bản chính); 15 chứng từ giao dịch về việc trả gốc và lãi. Bị đơn không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 21/01/2022, tổng cộng dư nợ gốc và lãi là **2.283.362.603** đồng (hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng), trong đó nợ gốc là 1.560.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), nợ lãi 723.362.603 đồng (bảy trăm hai ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng) theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016; Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017; Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018.

- Yêu cầu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải tiếp tục thực hiện trả lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày 22/01/2022 cho đến ngày thanh toán xong số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng: Số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, số 8100LAV201701138 ngày 18/7/2017, số 8100LAV201801093 ngày 27/7/2018, số 627201712 ngày 14/7/2018 đã ký giữa ông Trần Văn H, bà Hứa Thị Á với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tuyên Quang.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á theo Hợp đồng thế chấp số 627201712/HĐTC ngày 14/7/2017 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 201601395/PLHĐ ngày 17/7/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Kết quả trưng cầu giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công An tỉnh Tuyên Quang, Viện kỹ khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an xác định chữ ký trong các tài liệu ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á yêu cầu giám định là chữ ký của ông Trần Văn H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố 15 (tổ 28 cũ) phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào trình bày nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, kết quả xác minh thu thập chứng cứ, xét thấy có căn cứ xác định ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á có vi phạm nghĩa vụ đã được ký tại các hợp đồng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016; Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017; Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018; Nghĩa vụ của các đồng thế chấp này được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 118736, sổ vào sổ cấp GCN QSD đất H02102/PT do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 04/6/2007 đứng tên ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á. Nội dung thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số

627201712/HĐTC ngày 14/7/2017, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 201601395/PLHĐ ngày 17/7/2017.

Đối với Hợp đồng tín dụng ngày 18/7/2017 và các tài liệu được trưng cầu giám định, kết quả trưng cầu giám định tại Viện Kỹ thuật hình sự - Bộ công an đều khẳng định là chữ ký của ông H. Chữ viết tên Trần Văn H tại tờ Phưong án sử dụng vốn và Hợp đồng tín dụng ngày 18/7/2017 là của ông H. Đối với các tài liệu khác được trưng cầu giám định, mặc dù không đủ cơ sở kết luận chữ viết Trần Văn H có phải do ông H viết hay không nhưng không ảnh hưởng đến bản chất sự việc.

Đối với Hợp đồng tín dụng ngày 27/7/2018: Tại Kết luận giám định của Phòng KTHS Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận là chữ viết của ông H, tại Kết luận giám định của Viện Kỹ thuật hình sự - Bộ công an kết luận không đủ căn cứ xác định có phải của ông H hay không. Tuy nhiên, cả hai Kết luận giám định đều khẳng định chữ ký trong Hợp đồng là của ông H.

Điều này thể hiện việc ông H và bà A là người trực tiếp ký các Hợp đồng tín dụng ngày 18/7/2017 và 27/7/2018.

Đối với Hợp đồng tín dụng ngày 05/8/2016, ông H và bà A thừa nhận có được ký đối với hợp đồng này, việc vay tiền có thể chấp tài sản là nhà đất đứng tên ông bà. Do vậy, HĐXX xét thấy “yêu cầu giám định so sánh chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn H trong 03 hợp đồng ký năm 2016, 2017 và 2018 có phải là do một người ký và viết ra hay không” theo đề nghị của bị đơn là không cần thiết.

Tại thời điểm ký các Hợp đồng, ông bà là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế hay mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, tự mình giao kết các hợp đồng. Nội dung các Hợp đồng này không vi phạm quy định của pháp luật và thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do vậy các Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, số 8100LAV201701138 ngày 18/7/2017, số 8100LAV201801093 ngày 27/7/2018 đều hợp pháp.

Đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa ông H, bà A và A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đều được công chứng theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, A chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện giải ngân theo đúng hợp đồng, cụ thể: Ngày 05/8/2016, giải ngân 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng chẵn*), ông H là người ký nhận; ngày 18/7/2017, giải ngân 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng chẵn*), hình thức giải ngân là chuyển khoản cho tài khoản của Hà Duy H, ông H là người ký nhận; ngày 27/7/2018, giải ngân 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*), trong đó tiền mặt 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng chẵn*), còn lại chuyển khoản ông H ký nhận. Ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án các Bản theo dõi phát tiền và kỳ hạn trả nợ có chữ ký của ông H. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ này.

Ông H và bà A trình bày việc vay tiền do chị Nguyễn Thu T, trước đây là con dâu ông bà có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên ông bà nhất trí cho chị T

mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay ngân hàng. Quá trình làm hợp đồng, thủ tục đều do chị T tự đi làm và trao đổi với Ngân hàng. Số tiền vay và mục đích vay vợ chồng ông bà không biết, hiện chị T không sống cùng gia đình ông bà, việc chị T ở đâu ông bà không biết. Ông bà đề nghị Tòa án phải triệu tập được chị T đến mới nhất trí làm việc và viết bản tự khai cho Tòa án.

Tuy nhiên, ông bà không giao nộp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng ông H, bà Á đều ký, các tài liệu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án án xác định ông H, bà Á đã nhận tiền vay theo hợp đồng.

Mặc dù các khoản vay của Ngân hàng đến nay đều chưa đến hạn. Tuy nhiên, do ông H và bà Á đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông bà thanh toán và phối hợp xử lý tài sản đảm bảo nhưng không có kết quả. Căn cứ nội dung Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận và quy định của pháp luật, Agribank Chi nhánh Tuyên Quang yêu cầu ông bà thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng, trừ đi các số tiền nợ gốc và lãi đã trả là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải trả cho A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tổng số tiền dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/01/2022 là **2.283.362.603** đồng (*hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng*), trong đó ông Trần Văn H và bà Á mỗi người phải trả **1.141.681.301** đồng (*một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, ba trăm linh một đồng*), cụ thể gồm các khoản nợ sau:

+ Khoản thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*); Lãi suất trong hạn 337.333.333 đồng (*ba trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*); Lãi quá hạn từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2020 là 6.016.438 đồng (*sáu triệu, không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*), từ ngày 06/8/2020 đến ngày 05/8/2021 là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), từ ngày 06/8/2021 đến ngày 21/01/2022 là 8.334.247 đồng (*tám triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*); Tổng cộng lãi suất trong hạn và lãi quá hạn là 363.684.018 đồng (*ba trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, không trăm mười tám đồng*); Tổng cộng dư nợ gốc và lãi suất là **1.163.684.018** đồng (*một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, không trăm mười tám đồng*).

+ Khoản thứ 2: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất trong hạn 276.466.667 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), lãi suất quá hạn 27.238.356 đồng (*hai mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng*), tổng lãi trong hạn và lãi quá hạn là 303.705.023 đồng (*ba trăm linh ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là **953.705.023** đồng (*chín trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*);

+ Khoản thứ 3: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*), lãi suất trong hạn là 46.750.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi suất quá hạn là 9.223.562 đồng (*chín triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn năm trăm, sáu mươi hai đồng*), tổng cả gốc và lãi là **165.973.562** đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*).

- Ông Trần Văn H phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang theo các hợp đồng, kể từ ngày 22/01/2022 cho đến ngày trả hết nợ gốc cho Ngân hàng, cụ thể từng khoản theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

- Trường hợp ông H và bà A không thực hiện trả nợ thì A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung Hợp đồng thế chấp số 627201712/HĐTC ngày 14/7/2017, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 201601395/PLHĐ ngày 17/7/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của vụ án. Tuy nhiên ông Trần Văn H thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí, bà Hứa Thị A không thuộc trường hợp được miễn án phí. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với ông Trần Văn H, buộc bà Hứa Thị A phải nộp **46.250.439** đồng (*bốn mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng*) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án.

Agribank – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang không phải chịu án phí của vụ án.

A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **33.840.200** đồng (*ba mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, hai trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000347 ngày 04/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố T.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Hội đồng xét xử xét thấy, do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng;

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ quy định tại Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là ông Trần Văn H và bà Hứa Thị A phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của vụ án đối với tài sản bảo đảm, Agribank Chi nhánh Tuyên Quang đã nộp tạm ứng chi phí xét thẩm định tại chỗ.

Ông Trần Văn H phải trả cho Agribank - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo trong vụ án là 2.050.000 đồng (*hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó ông H phải trả **1.025.000** đồng (*một triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng*), bà A phải trả **1.025.000** đồng (*một triệu, không trăm, hai mươi lăm, nghìn đồng*).

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Căn cứ quy định tại Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải chịu chi phí giám định chữ ký chữ viết là 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký chữ viết ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á đã nộp tạm ứng, ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn H tham gia phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến khi kết thúc phiên tòa, bị đơn đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa tuyên án không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thu T vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/3/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 305, 471, 474, 476 BLDS năm 2005; Các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 357, 463, 466, 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về trách nhiệm thanh toán nợ: Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang toàn bộ dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/01/2022 theo các hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể các khoản như sau:

+ Khoản thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*); Lãi suất trong hạn 337.333.333 đồng (*ba trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*); Lãi quá hạn từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2020 là 6.016.438 đồng (*sáu triệu, không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*), từ ngày 06/8/2020 đến ngày 05/8/2021 là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), từ ngày 06/8/2021 đến ngày 21/01/2022 là 8.334.247 đồng (*tám triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*); Tổng cộng lãi suất trong hạn và lãi quá hạn là 363.684.018 đồng (*ba trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, không trăm mười tám đồng*); Tổng cộng dư nợ gốc và lãi suất là **1.163.684.018** đồng (*một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, không trăm mười tám đồng*).

+ Khoản thứ 2: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201701138/HĐTD ngày 18/7/2017, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất trong hạn 276.466.667 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), lãi suất quá hạn 27.238.356 đồng (*hai mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng*), tổng lãi trong hạn và lãi quá hạn là 303.705.023 đồng (*ba trăm linh ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là **953.705.023** đồng (*chín trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*);

+ Khoản thứ 3: Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801093/HĐTD ngày 27/7/2018, dư nợ đến ngày 21/01/2022 là 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*), lãi suất trong hạn là 46.750.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*), lãi suất quá hạn là 9.223.562 đồng (*chín triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*), tổng cả gốc và lãi là **165.973.562** đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng chẵn*).

Tổng số dư nợ 03 khoản theo các hợp đồng tín dụng ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang là **2.283.362.603** đồng (*hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng*), trong đó dư nợ gốc 1.560.000.000 đồng (*một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính đến ngày 21/01/2022 là 723.362.603 đồng (*bảy trăm hai ba triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng*), chia ra:

Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á, mỗi người phải trả **1.141.681.301** đồng (*một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, ba trăm linh một đồng*), trong đó dư nợ gốc là 780.000.000 đồng (*bảy trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi là 361.681.301 đồng (*ba trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, ba trăm linh một đồng*).

Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải tiếp tục thực hiện trả lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày 22/01/2022 cho đến ngày thanh toán xong số tiền gốc và lãi theo nội dung các Hợp đồng tín dụng: Số 8100LAV201601395 ngày 05/8/2016, số 8100LAV201701138 ngày 18/7/2017, số 8100LAV201801093 ngày 27/7/2018, số 627201712 ngày 14/7/2018 đã ký giữa ông Trần Văn H, bà Hứa Thị Á với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo nội dung Hợp đồng thế chấp số 627201712/HĐTC ngày 14/7/2017, tài sản bảo đảm là nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 118736, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất H02102/PT do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố T) cấp ngày 04/6/2007 tên người sử dụng là hộ ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á, 14/7/2017 đã được Chi nhánh VPĐKQSDĐ thành phố T xác nhận điều chỉnh tên người sử dụng là ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **46.250.439** đồng (*bốn mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng*).

- Bà Hứa Thị Á phải nộp **46.250.439** đồng (*bốn mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng*) Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án;

- A – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **33.840.200** đồng (*ba mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, hai trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000347 ngày 04/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải trả cho Agribank - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo trong vụ án là **2.050.000** đồng (*hai triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng*). Trong đó ông Trần Văn H phải trả **1.025.000** đồng (*một triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng*), bà Hứa Thị Á phải trả **1.025.000** đồng (*một triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á phải chịu chi phí giám định chữ ký chữ viết là **3.750.000** đồng (*ba triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký chữ viết ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á đã nộp tạm ứng. Ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn – Agribank - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang và bị đơn – ông Trần Văn H và bà Hứa Thị Á, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn H là ông Ma Ngọc K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/03/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Nhân - Vương Minh Tân

Vương Thị Lan